

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24/7/2018

Về "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2 Ông Huỳnh Văn Sen.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đền Thị Sóc K, sinh năm 1987 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà X khóm W, phường P, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh H, sinh năm 1981 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà Y đường G, khóm T, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông Lâm Diệp P, công tác tại Hội Nông dân Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2018 (BL 02), Biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2018 (BL 21) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đền Thị Sóc K trình bày:

Năm 2014, chị K kết hôn với anh Huỳnh H và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà Y đường G, khóm T, Phường 1, thị xã V. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống chung không hòa hợp, anh H thiếu trách nhiệm với gia đình làm cho tình cảm phai nhạt nên không còn hạnh phúc nữa. Từ tháng 3/2017, chị K đã trở về sống tại khóm W, phường P và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay, chị K giao nộp tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Huỳnh H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Đối với bị đơn Huỳnh H: Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn nhưng anh H không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập họp lệ hai lần nhưng anh H không hợp tác, đều vắng mặt tại các phiên họp ngày 12/4/2018 và ngày 26/4/2018 không có lý do; anh H đã được thông báo về kết quả phiên họp nêu trên và việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 13/7/2018, bị đơn H vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản lấy lời khai của chị K (BL 21); Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường 1 và phường P về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng và điều kiện của các đương sự (BL 27, 28).

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị K được ly hôn với anh H; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này, chị Đền Thị Sóc K yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh H; không yêu cầu giải quyết về con chung cũng như tài sản chung, nợ chung.

Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt anh Huỳnh H.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu và Giấy chứng nhận kết hôn do chị K giao nộp cũng như việc không phản đối của bị đơn H; đối chiếu với quy định tại Điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị K về kết hôn với anh H, được Ủy ban nhân dân phường P cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản và nợ chung là sự thật. Như vậy, chị K và anh H đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tuy nhiên, từ tháng 3/2017 đến nay, chị K và anh H đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng coi nhau như người xa lạ, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bốn phận của người đó. Từ thực trạng trên cho thấy, chị K và anh H không còn tình nghĩa vợ chồng; đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị K được ly hôn với anh Huỳnh H.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có con chung cũng như tài sản và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Sóc K phải chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đền Thị Sóc K được ly hôn với anh Huỳnh H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đền Thị Sóc K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0000795 ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đền Thị Sóc K có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Huỳnh H có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐÚC CHƯƠNG

